

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 01 – 2019

V/v “Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1013/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Anh Phạm Chí L, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 12, xã Khánh An, huyện M, tỉnh C.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Kim Ph, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 02, Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, Tp.C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, bị đơn và tại phiên tòa, anh Phạm Chí L, chị Huỳnh Kim Ph trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh, chị xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống, anh, chị cho rằng vợ, chồng luôn

bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp được với nhau. Trên thực tế, anh, chị không còn chung sống vợ, chồng từ năm 2012 đến nay.

Từ nội dung trên, anh, chị nhận thấy tình cảm của giữa anh, chị không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ chồng được nữa nên anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người con chung là Phạm Thu Th, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2009, hiện cháu Th đang sống với chị Ph. Khi ly hôn, anh, chị thống nhất giao cháu Th cho chị Ph nuôi dưỡng, chị Ph yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu Th tròn 18 tuổi; anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh, chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh, chị khai rằng giữa anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Ph không đăng ký kết hôn theo quy định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, anh Phạm Chí L và chị Huỳnh Kim Ph không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến năm 2012, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay anh, chị yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, anh, chị luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và không tin tưởng nhau rồi thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, anh L và chị Ph đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên anh, chị đã tự ly thân từ năm 2012 đến nay.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa

vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của vợ, chồng anh, chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người con chung là Phạm Thu Th, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2009, hiện cháu Th đang sống với chị Ph. Khi ly hôn, anh, chị thống nhất giao cháu Th cho chị Ph nuôi dưỡng, chị Ph yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu Th tròn 18 tuổi; anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện anh L không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên mức cấp dưỡng chị Ph yêu cầu là cao. Do đó, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh L và chị Ph xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị Ph khai rằng giữa anh, chị không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh L phải chịu theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh L và chị Ph được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Chí L và chị Huỳnh Kim Ph.

2 - Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh L và chị Ph giao cháu Phạm Thu Th, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2009 cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Th mỗi tháng 695.000đ, thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thảo thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3 - Về tài sản chung: Anh L, chị Ph xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Anh L và chị Ph khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh L phải chịu 300.000đ. Ngày 05 tháng 12 năm 2018, anh L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số: 1707 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6 - Về quyền kháng cáo: Anh L và chị Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải